

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gồm: 273 thủ tục hành chính, trong đó:

- Thủ tục hành chính giải quyết trực tiếp tại Bộ phận Một cửa: 264
- Thủ tục hành chính thực hiện qua Dịch vụ bưu chính công ích: 169
- Thủ tục hành chính cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 91
- Thủ tục hành chính cung cấp Dịch vụ công trực tuyến một phần: 164

(Chi tiết tại Phụ lục I).

2. Danh mục thủ tục hành chính liên thông của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường - Biển và Hải đảo: 01

(Chi tiết tại Phụ lục II).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: số 5275/QĐ-BNN-VP ngày 12/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; số 1078/QĐ-BTNMT ngày 31/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm tiếp tục rà soát, công bố kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung theo quy định.

2. Bộ phận Một cửa phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ thực hiện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định của pháp luật và các Quy chế của Bộ.

3. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, thông báo rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp, người dân được biết để thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Trưởng Bộ phận Một cửa, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW (bản pdf);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).



Võ Văn Hưng

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

- Địa chỉ: Cơ sở 1: số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Cơ sở 2: Số 2 Ngọc Hà, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Thư điện tử: vanphongmotcua@mae.gov.vn
- Cổng Dịch vụ công của Bộ: <https://dichvucong.mae.gov.vn>
- Cổng thông tin Một cửa quốc gia: <https://vnsw.gov.vn/>

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bru chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vnsw.gov.vn/)
I		LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC									
1.	1.	1.013671	Công nhận kết quả khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	2103/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	x			x	x	
2.	2.	1.013669	Cấp giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	2103/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	x			x	x	
3.	3.	1.013665	Công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi	2103/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			gen		Đa dạng sinh học						
4.	4.	1.013673	Cấp giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thức ăn chăn nuôi	2103/QĐ-BNNMT	Vụ Khoa học và Công nghệ	x			x	x	
5.	5.	1.013672	Cấp giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm	2103/QĐ-BNNMT	Vụ Khoa học và Công nghệ	x			x	x	
6.	6.	1.013668	Cấp lại quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	2103/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	x		x		x	
7.	7.	1.013675	Cấp lại giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thức ăn chăn nuôi	2103/QĐ-BNNMT	Vụ Khoa học và Công nghệ	x		x		x	
8.	8.	1.013674	Cấp lại giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm	2103/QĐ-BNNMT	Vụ Khoa học và Công nghệ	x		x		x	
9.	9.	1.013670	Cấp lại giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	2103/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh	x		x		x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					học					
10.	10.	1.013491	Cấp lại giấy chứng nhận an toàn sinh học	696/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	x			x	
11.	11.	1.008671	Xử lý hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung loài trong danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm	2405/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	x			x	
12.	12.	2.001095	Cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen	696/QĐ-BNNMT	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	x			x	
II		LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU								
13.	1.	1.004629	Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD	559/QĐ-BNNMT	Cục Biến đổi khí hậu	x	x	x		x
14.	2.	1.003247	Hủy yêu cầu cấp tín chỉ cho dự án JCM (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x
15.	3.	1.001586	Công nhận Bên thứ ba (TPE) (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x
16.	4.	1.001571	Tự nguyện rút công	559/QĐ-	Ủy ban Hỗn			x		x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			nhận Bên thứ ba (TPE) (TTHC cấp trung ương)	BNNMT	hợp của Cơ chế JCM						
17.	5.	1.001563	Phê duyệt phương pháp luận/phương pháp luận sửa đổi, bổ sung (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x	
18.	6.	1.001543	Đăng ký, phê duyệt dự án JCM (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x	
19.	7.	1.001467	Phê duyệt Tài liệu thiết kế dự án (PDD) sửa đổi, bổ sung (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x	
20.	8.	1.001459	Hủy đăng ký hoặc thôi không tham gia dự án JCM (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x	
21.	9.	1.001451	Cấp tín chỉ cho dự án JCM (TTHC cấp trung ương)	559/QĐ-BNNMT	Ủy ban Hỗn hợp của Cơ chế JCM			x		x	
22.	10.	1.010683	Xác nhận tín chỉ các-bon để trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
23.	11.	1.010684	Chấp thuận chương trình, dự án đăng ký	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.		trường						
24.	12.	1.010685	Đăng ký sử dụng, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	x
25.	13.	1.010686	Điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	x
26.	14.	1.014129	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
27.	15.	1.014130	Công nhận/Điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
28.	16.	1.014136	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
29.	17.	1.014131	Thay đổi thành phần	2599/QĐ-	Bộ Nông	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			tham gia dự án.	BNNMT	ngành và Môi trường						
30.	18.	1.014132	Hủy đăng ký dự án.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
31.	19.	1.014133	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
32.	20.	1.014134	Chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
33.	21.	1.014135	Chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.	2599/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
III		LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM									
34.	1.	1.009480	Công nhận khu vực biển cấp Bộ	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
35.	2.	1.004520	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
36.	3.	1.004512	Giao khu vực biển	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
37.	4.	1.004333	Trả lại khu vực biển	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
38.	5.	2.001745	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
39.	6.	1.002048	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
40.	7.	1.002025	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
41.	8.	1.001658	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
42.	9.	1.001631	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
43.	10.	1.001373	Khai thác và sử dụng cơ	2298/QĐ-	Bộ Nông	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp TW)	BNNMT	ngành và Môi trường						
44.	11.	1.001371	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
45.	12.	1.000916	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
46.	13.	1.000886	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
47.	14.	1.000853	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
48.	15.	1.000835	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
49.	16.	1.000801	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp TW)	2298/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
IV		LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y									
50.	1.	1.011033	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
51.	2.	1.011030	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x		x	x	
52.	3.	3.000131	Thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x		x	x	
53.	4.	1.008123	Thừa nhận quy trình khảo nghiệm và công	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu								
54.	5.	1.008117	Nhập khẩu lần đầu đực giống, tinh, phôi, giống gia súc	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
55.	6.	3.000126	Công nhận dòng, giống vật nuôi mới	705/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Chăn nuôi và Thú y)	x	x	x		x	
56.	7.	1.008118	Xuất khẩu hoặc trao đổi quốc tế giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo	2303/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y; Cơ quan được Bộ trưởng Bộ NNMT giao thực hiện TTHC	x	x	x		x	
57.	8.	3.000125	Trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm; chấp thuận về việc trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất	2303/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo								
58.	9.	1.011474	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu	2303/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với động vật trên cạn); Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối với động vật thủy sản).	x	x		x	x	
59.	10.	1.011472	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu	2303/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với động vật trên cạn); Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối với động vật thủy sản).	x	x		x	x	
60.	11.	1.011476	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu	2303/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với động vật trên cạn); Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					với động vật thủy sản).						
61.	12.	1.011473	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu	2303/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với động vật trên cạn); Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối với động vật thủy sản).	x	x		x	x	
62.	13.	1.011325	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
63.	14.	1.004881	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định)								
64.	15.	2.001872	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x		x	x	
65.	16.	1.003767	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	x
66.	17.	1.003728	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú	x	x		x	x	x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền						
67.	18.	2.001568	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	x	x		x	x	x
68.	19.	2.001558	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền						
69.	20.	2.001544	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	x	x		x	x	
70.	21.	2.001542	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục	x	x		x	x	x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					Chăn nuôi và Thú y uy quyền						
71.	22.	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
72.	23.	1.003587	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y)	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
73.	24.	1.003581	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm	705/QĐ-BNNMT	Cơ quan có thẩm quyền (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường)	x	x		x	x	
74.	25.	2.001515	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền	x	x		x	x	
75.	26.	1.003576	Gia hạn giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
76.	27.	1.003537	Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x			x	
77.	28.	1.003500	Đăng ký kiểm dịch động	705/QĐ-	Cục Chăn	x	x	x		x	x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	BNNMT	nuôi và Thú y						
78.	29.	1.003478	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	x	x		x	x	x
79.	30.	1.003474	Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			khảo nghiệm thuốc thú y)								
80.	31.	1.003462	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	x
81.	32.	1.003407	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	x	x		x	x	x
82.	33.	1.003264	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	x
83.	34.	1.003113	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức	x	x		x	x	x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền						
84.	35.	1.003026	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x		x	x	
85.	36.	1.002992	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
86.	37.	1.002571	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			hội chợ, triển lãm		y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền						
87.	38.	1.002554	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật trên cạn	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	
88.	39.	2.001055	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyên cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	705/QĐ-BNNMT	Cục Chăn nuôi và Thú y	x	x	x		x	x
89.	40.	1.002496	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					quyền						
90.	41.	1.002439	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	705/QĐ-BNNMT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	x	x		x	x	x
91.	42.	1.002391	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan	705/QĐ-BNNMT	- Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan); - Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng	x	x		x	x	x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền (đối với Cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan)						
V		LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THUỶ SẢN									
92.	1.	1.005320	Cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (Chứng thư) cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu	1049/QĐ-BNNMT	Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
93.	2.	1.003814	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1049/QĐ-BNNMT	- Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x			x	x	
94.	3.	2.001604	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1049/QĐ-BNNMT	- Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x			x	x	
95.	4.	2.001598	Đăng ký quốc gia, vùng lãnh thổ và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào danh sách xuất khẩu thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) vào Việt Nam	1049/QĐ-BNNMT	- Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x				x	
96.	5.	2.001586	Bổ sung danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm	1049/QĐ-BNNMT	- Cục Chăn nuôi và Thú y	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản vào Việt Nam								
97.	6.	2.001309	Cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (Chứng thư) cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở trong danh sách ưu tiên	1049/QĐ-BNNMT	Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6	X			X	X	X
98.	7.	2.001281	Cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (Chứng thư) cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở ngoài danh sách ưu tiên	1049/QĐ-BNNMT	Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6	X			X	X	X
VI		LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM									
99.	1.	1.014233	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	X	X	X		X	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			quyền khai thác khoáng sản								
100.	2.	1.014232	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
101.	3.	1.014234	Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
102.	4.	1.014235	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
103.	5.	1.014237	Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
104.	6.	1.014238	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
105.	7.	1.014245	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
106.	8.	1.014246	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
107.	9.	1.014236	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
108.	10.	1.014239	Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
109.	11.	1.014240	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
110.	12.	1.014241	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
111.	13.	1.014242	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
112.	14.	1.014243	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
113.	15.	1.014244	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
114.	16.	1.014251	Thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
115.	17.	1.014247	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
116.	18.	1.014248	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			sản đã được phê duyệt		trường						
117.	19.	1.014249	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
118.	20.	1.014250	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
119.	21.	1.014255	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
120.	22.	1.014252	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x		x	
121.	23.	1.014253	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
122.	24.	1.014254	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			sản đổi với khoáng sản nhóm I								
123.	25.	1.014294	Chấp thuận đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	3339/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
VII		LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ									
124.	1.	1.011672	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ - cấp Trung ương	659/QĐ-BNNMT	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	x		x		x	
125.	2.	1.000082	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp Trung ương	659/QĐ-BNNMT	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam					x	
			(i) Cấp, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ			x			x		
			(ii) Cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ			x		x			

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
126.	3.	1.000063	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I	659/QĐ-BNNMT	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	x			x	x	
VIII		LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN									
127.	1.	1.003099	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp TW)	580/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x			x	x	
128.	2.	1.003020	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp TW)	580/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x			x	x	
129.	3.	1.002986	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp TW)	580/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x			x	x	
130.	4.	1.001149	Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn (cấp TW)	580/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x		x		x	
131.	5.	1.001130	Xin phép trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng	580/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x		x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài		văn						
132.	6.	1.001115	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.	2231/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x	x		x	x	
133.	7.	1.001047	Thẩm định điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết	580/QĐ-BNNMT	Cục Khí tượng Thủy văn	x	x		x	x	
IX		LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ									
134.	1.	2.002652	Điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
135.	2.	1.010689	Điều chỉnh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	3084/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
136.	3.	1.010690	Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	3084/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
137.	4.	1.010688	Phê duyệt kết quả tuyển	3084/QĐ-	Bộ Nông	x		x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	BNNMT	ng nghiệp và Môi trường						
138.	5.	1.010687	Phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	3084/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
139.	6.	3.000516	Chấm dứt Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	3084/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
140.	7.	1.005331	Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ môi trường	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
141.	8.	1.004730	Cấp giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi (trường hợp được ít nhất 05 (năm) nước phát triển cho phép sử dụng	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi)								
142.	9.	1.004728	Cấp giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi (trường hợp chưa đủ năm nước phát triển cho phép sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi)	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
143.	10.	1.004721	Thu hồi giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
144.	11.	2.001576	Công nhận tiến bộ kỹ thuật	1597/QĐ-BNNMT	(1) Cục Thủy sản và kiểm ngư đối với lĩnh vực thủy sản. (2) Cục Quản lý và Xây dựng Công trình Thủy lợi	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					đối với lĩnh vực thủy lợi và vực xây dựng công trình nông nghiệp (3) Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm đối với lĩnh vực lâm nghiệp. (4) Cục Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai. (5) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đối với lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, phân bón và						

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật (6) Cục Chăn nuôi và Thú ý đối với lĩnh vực chăn nuôi, an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ động vật. (7) Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường nông sản đối với lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường nông sản. (8) Cục Kinh						

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					tế hợp tác và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực sản xuất muối, cơ điện						
145.	12.	2.001498	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ môi trường	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		x		x	
X		LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM									
146.	1.	1.014020	Cấp thay thế giấy phép CITES	2405/QĐ-BNNMT	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	x			x	x	
147.	2.	3.000158	Cấp lại giấy phép FLEGT	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	x			x	x	
148.	3.	3.000157	Cấp thay thế giấy phép FLEGT	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	x			x	x	
149.	4.	3.000155	Cấp giấy phép FLEGT	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	x			x	x	
150.	5.	3.000156	Gia hạn giấy phép	1215/QĐ-	Cục Lâm	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			FLEGT	BNNMT	ngành và Kiểm lâm						
151.	6.	1.003903	Cấp giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	2405/QĐ-BNNMT	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	x			x	x	x
152.	7.	1.003578	Cấp giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	2405/QĐ-BNNMT	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	x			x	x	x
153.	8.	1.003532	Cấp giấy phép CITES nhập nội từ biển mẫu vật loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I, II Công ước CITES	2405/QĐ-BNNMT	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	x			x	x	
154.	9.	1.012920	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, cơ quan trung ương	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cơ quan chuyên môn trực thuộc các Bộ, cơ quan trung ương do Bộ	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan trung ương giao nhiệm vụ						
155.	10.	1.012686	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với khu rừng thuộc bộ, ngành quản lý	1215/QĐ-BNNMT	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ, ngành	x			x	x	
156.	11.	1.011469	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý	2391/QĐ-BNNMT	Bộ, ngành chủ quản	x			x	x	
157.	12.	2.002467	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	x			x	x	
158.	13.	1.007915	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do bộ,	1215/QĐ-BNNMT	Bộ, ngành trung ương	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			ngành trung ương quyết định đầu tư								
159.	14.	1.002237	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	x			x	x	
160.	15.	1.002226	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	x			x	x	
161.	16.	1.002161	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng trung ương	1215/QĐ-BNNMT	Ban điều hành Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Trung ương	x			x	x	
162.	17.	1.000095	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối	1215/QĐ-BNNMT	Cục Lâm nghiệp và	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên)		Kiểm lâm						
163.	18.	3.000500	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc bộ, ngành quản lý	2653/QĐ-BNNMT	- Cơ quan chuyên môn được phân công thuộc Bộ, ngành - Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với Chủ rừng là tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
XI		LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG									
164.	1.	2.002473	Cấp đổi quyết định chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
165.	2.	2.002472	Chấp thuận liên kết, chuyển giao chất thải	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			nguy hại không có trong giấy phép môi trường (thay thế - cấp Bộ)		trường						
166.	3.	1.010737	Chấp thuận đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng (thay thế - cấp Bộ)	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x	
167.	4.	1.010734	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp Bộ)	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
168.	5.	2.002469	Chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
169.	6.	2.002470	Đăng ký miễn trừ các	973/QĐ-	Bộ Nông	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định của Công ước Stockholm	BNNMT	ngành và Môi trường						
170.	7.	1.010732	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp Bộ)	2266/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
171.	8.	1.010731	Cung cấp thông tin môi trường	379/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
172.	9.	1.010722	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Bộ)	2266/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
173.	10.	1.010720	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Bộ)	2266/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x	
174.	11.	1.010721	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	2266/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x	
175.	12.	1.010719	Cấp giấy phép môi trường (cấp Bộ)	2266/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
176.	13.	1.004880	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			trường								
177.	14.	1.004316	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
178.	15.	1.001498	Chứng nhận, thừa nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	973/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
XII		LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP									
179.	1.	1.003519	Phê duyệt dự án khuyến nông, thuyết minh dự án khuyến nông trung ương	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ khoa học và Công nghệ)	x			x	x	
180.	2.	1.003496	Nghiệm thu kết quả hàng năm dự án khuyến nông trung ương	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Khuyến nông Quốc)	x		x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					gia)						
181.	3.	1.003480	Phê duyệt nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên	1597/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ khoa học và Công nghệ)	x		x		x	
XIII		LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI									
182.	1.	1.012751	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2304/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x	x		x	x	
183.	2.	1.012750	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	2304/QĐ-BNNMT	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai trực thuộc Cục Quản lý đất đai	x	x	x		x	
XIV		LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI									
184.	1.	1.010093	Đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu	1524/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý đê điều và	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			quả thiên tai tại Việt Nam		PCTT						
185.	2.	1.008407	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.	1524/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
186.	3.	1.008406	Điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai	1524/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
187.	4.	1.008404	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	1524/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
188.	5.	1.008401	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn	1524/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ		trường						
189.	6.	1.008403	Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	1524/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
190.	7.	1.008402	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ không thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ	1524/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x			x	x	
XV		LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC									
191.	1.	1.012499	Thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa	642/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x	x		x	
192.	2.	1.012496	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			tài nguyên nước								
193.	3.	1.011512	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x	x		x	
194.	4.	1.004094	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x	x		x	
195.	5.	1.000657	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 5.000 m3/ngày đêm trở lên	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x		x	x	
196.	6.	1.000606	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 5.000 m3/ngày đêm trở lên	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x		x	x	
197.	7.	1.000070	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 5.000 m3/ngày đêm trở lên	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x		x	x	
198.	8.	1.000060	Gia hạn, điều chỉnh giấy	2301/QĐ-	Cục Quản lý	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 5.000 m ³ /ngày đêm trở lên	BNNMT	tài nguyên nước						
199.	9.	2.000021	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024, trừ trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025)	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x		x	x	
200.	10.	2.000018	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển.	2301/QĐ-BNNMT	Cục Quản lý tài nguyên nước	x	x		x	x	
XVI		LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI									
201.	1.	1.003632	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi	843/QĐ-BNNMT	Bộ Nghiệp và Môi trường	x			x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			quan trọng đặc biệt và công trình mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 2 tỉnh trở lên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý								
202.	2.	2.001340	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	843/QĐ-BNNMT	Bộ Nghiệp và Môi trường	x			x	x	
203.	3.	2.001337	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	843/QĐ-BNNMT	Bộ Nghiệp và Môi trường	x			x	x	
XVII		LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ									
204.	1.	1.012437	Kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam								
205.	2.	1.004940	Cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam hoặc cấp phép cho đi khai thác tại vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x	x		x	
206.	3.	1.004936	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép hoạt động cho tổ chức, cá nhân nước ngoài có tàu hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x	x		x	
207.	4.	1.004925	Cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc trong Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			đáp ứng đủ điều kiện (đối với mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế)								
208.	5.	1.004803	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	
209.	6.	2.001705	Khai báo trước khi cập cảng đối với tàu vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác để nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	
210.	7.	1.003821	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (đối với	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)								
211.	8.	1.003790	Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu thủy sản sống đối với trường hợp không phải đánh giá rủi ro	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x	x		x	
212.	9.	1.003755	Cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	
213.	10.	1.003361	Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu thủy sản sống đối với trường hợp phải đánh giá rủi ro	839/QĐ-BNNMT	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	x	x		x	x	
XVIII		LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT									
214.	1.	1.007930	Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc	x			x		x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					tổ chức chứng nhận hợp quy có phòng thử nghiệm đáp ứng quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ủy quyền						
215.	2.	1.007923	Cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
216.	3.	3.000104	Cấp lại Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
217.	4.	1.007924	Gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			hành tại Việt Nam		và Bảo vệ thực vật						
218.	5.	1.002417	Cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
219.	6.	1.004579	Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
220.	7.	2.001673	Cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
221.	8.	1.002947	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
222.	9.	1.002510	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					thực vật						
223.	10.	2.001432	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp mất, sai sót, hư hỏng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
224.	11.	2.001429	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp đổi tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
225.	12.	1.003394	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp thay đổi nhà sản xuất	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
226.	13.	2.001335	Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký chính thức	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
227.	14.	2.001328	Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký bổ sung	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
228.	15.	2.001323	Cấp lại Giấy phép khảo	1000/QĐ-	Cục Trồng	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	BNNMT	trọt và Bảo vệ thực vật						
229.	16.	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
230.	17.	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
231.	18.	2.001062	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ủy quyền	x			x		x
232.	19.	1.004038	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc	1000/QĐ-BNNMT	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch	x			x		x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			thực vật nhập khẩu		thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các Trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).						
233.	20.	2.001046	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu	1000/QĐ-BNNMT	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các Trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).	x			x		x
234.	21.	2.001038	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh	1000/QĐ-BNNMT	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi	x			x		x

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các Trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).						
235.	22.	1.012069	Phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
236.	23.	1.012065	Đăng ký bảo hộ giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
237.	24.	1.012068	Sửa đổi, cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
238.	25.	1.012067	Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
239.	26.	1.012066	Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
240.	27.	1.012061	Đăng ký chuyển nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
241.	28.	1.012060	Yêu cầu chấm dứt việc cho phép tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
242.	29.	1.012056	Đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
243.	30.	1.012057	Hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức cá nhân	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x		x	x	
244.	31.	2.002339	Chứng nhận lại chủng	1000/QĐ-	Cục Trồng	x	x	x		x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	BNNMT	trọt và Bảo vệ thực vật						
245.	32.	2.002338	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
246.	33.	1.012059	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1000/QĐ-BNNMT	Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt hoặc cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt)						
247.	34.	1.012058	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1000/QĐ-BNNMT	Đại diện chủ sở hữu nhà nước (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đối với nhiệm vụ khoa học và	x	x		x	x	

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt)						
248.	35.	1.007997	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
249.	36.	1.007992	Tự công bố lưu hành giống cây trồng	1000/QĐ-BNNMT	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	x	x		x	
250.	37.	1.007996	Cấp, cấp lại, gia hạn,	1000/QĐ-	Cục Trồng	x	x	x		x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng (bao gồm cả cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	BNNMT	trọt và Bảo vệ thực vật					
XIV		LĨNH VỰC VIỄN THĂM QUỐC GIA								
251.	1.	1.000652	Cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám	764/QĐ-BNNMT	Cục Viễn thám quốc gia	x	x	x		x
XV		LĨNH VỰC TỔNG HỢP								
252.	1.	1.004241	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp Trung ương)	704/QĐ-BNNMT	Cục Chuyển đổi số	x	x		x	x
XVI		LĨNH VỰC DO BỘ NGÀNH KHÁC CÔNG BỐ								
253.	1.	1.001366	Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc quản lý nhà nước của	753/QĐ-BKHCN; 3727/QĐ-BKHCN	- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; - Cục Thủy	x	x	x		x

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả chế phẩm sinh học, vi sinh vật, khoáng chất, hóa chất trừ hóa chất có công dụng sát trùng, khử trùng, tiêu độc)		sản và Kiểm ngư (Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản).					
254.	2	1.005242	Miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu)	753/QĐ-BKHCN; 3727/QĐ-BKHCN	- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư (Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản).	x	x	x	x	x
255.	3	1.009793	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây	863/QĐ-BXD	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	x				

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành								
256.	4	1.013216	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	864/QĐ-BXD	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	x					
257.	5	1.013218	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	864/QĐ-BXD	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	x					
258.	6	1.001400	Thủ tục chỉ định tạm thời tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	753/QĐ-BKHCN; 3727/QĐ-BKHCN	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bru chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; - Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.						
259.	7	1.002018	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	753/QĐ-BKHCN; 3727/QĐ-BKHCN	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; - Cục Kinh tế hợp tác và	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					PTNT.						
260.	8	1.000769	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	753/QĐ-BKHCN; 3727/QĐ-BKHCN	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; - Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.	x					
261.	9	1.000746	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	753/QĐ-BKHCN; 1662/QĐ-BKHCN	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; - Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.						
262.	11		Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/201	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
				6/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.	- Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.						
263.	12		Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	x					
264.	13		Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký	- Luật số 05/2007/Q	- Cục Lâm nghiệp và	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
			hoạt động thử nghiệm	H12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.						
265.	14		Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y;	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
				- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.						
266.	15		Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	x					
267.	16		Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
				số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.						
268.	17		Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/201	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
				8/NĐ-CP	biển và Phát triển thị trường.						
269.	18		Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	x					
270.	19		Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/N	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư;	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
				Đ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.						
271.	20		Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
					trường.						
272.	21		Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	x					
273.	22		Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Luật số 05/2007/QH12; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định	- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ	x					

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Trực tiếp tại BPMC	Qua dịch vụ Bưu chính công ích	DVCTT		Địa chỉ truy cập trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần	Cổng dịch vụ công của Bộ (https://dichvucong.mae.gov.vn)	Cổng thông tin Một cửa quốc gia (https://vns.w.gov.vn/)
				số 107/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	thực vật; - Cục Chăn nuôi và Thú y; - Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.						
		Cộng				264	169	91	164	249	26

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / /2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
1	2.002804	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép nhận chìm ở biển ở biển và giao khu vực biển	2056/QĐ-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường - Biển và Hải đảo